

Bản án số: 180/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20- 5 – 2026

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Ong Văn Đủ

Ông Nguyễn Tân Lộc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 2007 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 096307005083, cấp ngày 15/02/2022

Địa chỉ: Ấp K, xã C, tỉnh Cà Mau

- **Bị đơn:** Anh Phan Thanh D, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096097005821, cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ: Ấp K, xã C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 – 02– 2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh D kết hôn vào năm 2023, đến ngày 05/8/2025 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chị và anh D chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11 năm 2025 thì giữa chị và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường cãi nhau, anh D không chí thú làm ăn để lo cho gia đình. Chị

và anh **D** đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay. Nay xét thấy đời sống giữa chị và anh **D** không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **D**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh **D** có 01 người con chung tên **Phan Tâm Đ**, sinh ngày 20/6/2025, hiện con đang sống chung cùng với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh **Dur T** thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh **Phan Thanh D**, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **D** vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị **Nguyễn Thị Hằng N** và anh **Phan Thanh D** là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Phan Thanh D** có địa chỉ tại **ấp K, xã C, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án triệu tập họp lệ anh **Phan Thanh D** để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng anh **D** vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với anh **D** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hằng N** và anh **Phan Thanh D** kết hôn vào năm 2025 và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C**, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của chị **N** và anh **D** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **D** vì cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị **N** và anh **D** bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh **D** không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, chị **N** và anh **D** đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2025 cho đến nay. Đối với anh **D** đã được Toà án tổng đạt thông báo về việc chị **N** yêu cầu ly hôn nhưng anh **D** không đến Toà án để tham gia buổi hoà giải, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của chị **N**, từ đó cho thấy anh **D** không có thiện chí hàn gắn với chị **N**,

mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **D** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **D** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống giữa chị **Nguyễn Thị Hằng N** và anh **Phan Thanh D** có 01 người con chung tên **Phan Tâm Đ**, sinh ngày 20/6/2025, hiện con đang sống chung với chị **N**, sau khi ly hôn chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu **Phan Tâm Đ** mới 11 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị **N** và anh **D** không thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn, cháu **Đ** còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời từ khi ly thân cho đến nay cháu **Đ** do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, từ đó cho thấy chị **N** có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh **D** không có ý kiến phản đối về việc chị **Ni Y** nuôi con. Do đó, chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị **N** xác định về tài sản chung chị **N** và anh **D** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị **N** xác định, chị **N** và anh **D** không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với anh **D** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh **D** không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị **Nguyễn Thị Hằng N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Nguyễn Thị Hằng N** được ly hôn với anh **Phan Thanh D**.

[2] Về con chung: Giao con chung tên **Phan Tâm D**, sinh ngày 20/6/2025 cho chị **Nguyễn Thị Hằng N** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh **Phan Thanh D** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **D** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Hằng N** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001799 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau chị **N** đã nộp đủ. Anh **Phan Thanh D** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai chị **Nguyễn Thị Hằng N** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Phan Thanh D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ